TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 200/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 15 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh Bùi Trọng K, sinh năm: 1978;
2. Chị Mai Ánh T, sinh năm: 1979;

Cùng địa chỉ: 161F, ấp H1, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Bùi Trọng K và chị Mai Ánh T trình bày:

Vợ chồng anh K, chị T cưới nhau vào năm 1999 và chung sống đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh K đi làm xa ở TP HCM ít về nhà nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, đến nay anh chị ai cũng có tình cảm riêng với người khác nên khả năng hàn gắn không còn. Khi xảy ra mâu thuẫn anh K, chị T đã tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn, gia đình bên anh K biết việc vợ chồng anh bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân khoảng 03 năm nay, trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống. Anh K, chị T nhận thấy khả năng vợ chồng anh chị không thể tháo gỡ mâu thuẫn, không thể hòa hợp được, tình hình càng lúc càng xấu đi, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng của vợ chồng anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh K, chị T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Mai H, sinh ngày 14/12/2000 và Bùi Mai Trung H, sinh ngày 20/10/2003. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H hiện nay đang sống với anh K. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận, anh K được tiếp tục nuôi cháu H, chị T không cấp dưỡng nuôi con cho anh K.

Tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh K, chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Trọng K và chị Mai Ánh T thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: anh Bùi Trọng K và chị Mai Ánh T có 02 con chung là Bùi Mai H, sinh ngày 14/12/2000 và Bùi Mai Trung H, sinh ngày 20/10/2003. Cháu Bùi Mai H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Mai Ánh T đồng ý cho anh Bùi Trọng K được quyền tiếp tục nuôi cháu Bùi Mai Trung H, sinh ngày 20/10/2003, phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Chị Mai Ánh T không cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Trọng K.

Chị Mai Ánh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: anh Bùi Trọng K và chị Mai Ánh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Trọng K và chị Mai Ánh T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Bùi Trọng K và chị Mai Ánh T mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003114 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ TÊN VÀ ĐÓNG DẤU)

Lê Thị Minh Trung